

DOI: 10.70993/TCDN.2025.SI(21).22-34

BIẾN ĐỔI TƯ DUY ĐỊA KINH TẾ CỦA MỸ TRONG CHIẾN LƯỢC ẤN ĐỘ DƯƠNG - THÁI BÌNH DƯƠNG VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM

Nguyễn Lan Hương*

Ngày nhận bài: 15/6/2025; Gửi phản biện: 25/6/2025; Duyệt đăng: 10/7/2025

Tóm tắt: Bài viết làm rõ sự biến đổi tư duy địa kinh tế của Mỹ trong chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, chuyển từ hợp tác mềm dẻo sang cạnh tranh có trọng điểm. Dưới Chính quyền Donald Trump nhiệm kỳ thứ hai (2025-2029), chiến lược địa kinh tế có xu hướng thực dụng và cưỡng chế hơn, tập trung cho mục tiêu giảm phụ thuộc vào Trung Quốc, kiểm soát chuỗi cung ứng và bảo vệ lợi ích công nghệ lõi. Trên cơ sở phân tích sáu trụ cột gồm: mục tiêu, công cụ, không gian, phương thức hành động, cấu trúc liên minh và sáng kiến chính sách điển hình, bài viết so sánh cách tiếp cận của các chính quyền Mỹ gần đây, đồng thời đánh giá tác động đối với trật tự khu vực và dư địa chiến lược của Việt Nam. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị chính sách nhằm thích ứng với cục diện địa kinh tế đang phân hóa và cạnh tranh gay gắt.¹

Từ khóa: địa kinh tế, Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, cạnh tranh chiến lược, Chính quyền Trump (2025-2029), chính sách đối ngoại của Việt Nam

Abstract: This article examines the evolution of U.S. geoeconomic thinking in the Indo-Pacific strategy, shifting from flexible cooperation to focused strategic competition. Under the Trump administration (2025-2029), the U.S. geoeconomic approach has become more pragmatic and coercive, emphasizing reduced dependence on China, control over supply chains, and the protection of core technological interests. Using an analytical framework built on six pillars: strategic objectives, instruments, geographical scope, modes of action, alliance structures, and signature policy initiatives, the paper compares the approaches of recent U.S. administrations. It further assesses the implications for regional order and Vietnam's strategic space, offering policy recommendations to help Vietnam adapt to an increasingly fragmented and contested geoeconomic landscape.

Keywords: *geoeconomics, Indo-Pacific, strategic competition, Trump Administration (2025-2029), Vietnam's foreign policy*

* Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Email: huongnglan@yahoo.com

¹ Bài viết này là sản phẩm của Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ: “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Mỹ nhìn từ lý thuyết vùng rìa và hàm ý cho Việt Nam”. Mã số KHXH/NV/2025-123. Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ chủ trì.

1. Đặt vấn đề

Sau Chiến tranh Lạnh, bối cảnh toàn cầu chuyển dịch từ cạnh tranh quân sự sang cạnh tranh kinh tế - công nghệ, trong đó, các lĩnh vực thương mại, đầu tư, tài chính và chuẩn mực kỹ thuật số trở thành công cụ chiến lược. Đánh giá của Luttwak (1990) về logic của chiến tranh đang được áp dụng vào các phương tiện của thương mại phản ánh đúng thực tế tính địa chính trị hóa ngày càng rõ nét của các hoạt động kinh tế toàn cầu. Về địa chính trị, thế giới cũng chứng kiến sự trỗi dậy của Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương thành trung tâm địa kinh tế chiến lược, đồng thời là nơi hội tụ chuỗi cung ứng toàn cầu, tuyến vận chuyển năng lượng, hạ tầng số và các chuẩn mực cạnh tranh. Cạnh tranh Mỹ - Trung tại đây không chỉ mang tính địa lý, mà còn là cuộc đối đầu quyết định trật tự kinh tế - công nghệ tương lai. Trong khi Trung Quốc thúc đẩy “Sáng kiến Vành đai và Con đường” và “Con đường tơ lụa kỹ thuật số”, Mỹ triển khai chiến lược “Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở” (FOIP), nhấn mạnh kiến tạo luật chơi mới, thiết lập rào cản công nghệ và hình thành liên minh chọn lọc (White House, 2017; Farrell & Newman, 2019). Trong bối cảnh cạnh tranh đó, tư duy địa kinh tế ngày càng quan trọng với vai trò phản ứng chiến lược mới, kết hợp logic quyền lực với công cụ thị trường toàn cầu.

Tuy đã có những công trình nghiên cứu sâu về FOIP, nhưng vẫn khuyết thiếu các phân tích sâu chiến lược từ góc độ tư duy địa chiến lược, về tiến trình biến đổi tư duy địa kinh tế kiểu Mỹ qua các thời kỳ cũng như ảnh hưởng tới các nước trung gian, đặc biệt là Việt Nam (Farrell & Newman, 2019; Hornung, 2021). Từ thực tế này, bài viết tập trung làm rõ ba vấn đề trọng tâm: (1) Quá trình biến đổi tư duy địa kinh tế Mỹ thời hậu Chiến tranh Lạnh; (2) Cách FOIP vận hành tư duy địa kinh tế qua các giai đoạn chính quyền; và (3) Tác động của nó đến cấu trúc quyền lực khu vực cùng các hàm ý chiến lược cho Việt Nam trong việc xây dựng chính sách độc lập và tăng cường khả năng thích ứng hiệu quả trong bối cảnh cạnh tranh phức tạp hiện nay.

2. Cơ sở lý thuyết và khung phân tích

2.1. Khái niệm và cách tiếp cận địa kinh tế

Địa kinh tế dần trở thành lĩnh vực nghiên cứu độc lập sau Chiến tranh Lạnh, khi cuộc cạnh tranh quyền lực chuyển từ quân sự sang kinh tế - công nghệ. Quan điểm của Luttwak (1990: 20) coi địa kinh tế như “logic chiến tranh áp dụng vào thương mại” phản ánh thực tế việc các quốc gia sử dụng công cụ kinh tế để đạt mục tiêu chiến lược mà không cần tới biện pháp quân sự. Địa kinh tế là việc sử dụng có chủ đích các công cụ như: thương mại, đầu tư, tài chính, công nghệ và dữ liệu để phục vụ mục tiêu củng cố an ninh quốc gia và tăng cường quyền lực quốc gia trong quan hệ quốc tế. Địa kinh tế có ba hướng tiếp cận nổi bật là: (i) Hướng tiếp cận Mỹ nhấn mạnh sự thay thế quyền lực quân sự bằng cạnh tranh kinh tế (Luttwak, Blackwill & Harris, 2016); (ii) Hướng tiếp cận Ý về địa kinh tế (ví dụ từ Viện ISPI tại Ý), có sự kết hợp giữa hợp tác và cạnh tranh trong cách các doanh nghiệp và nhà nước định hình chính sách địa kinh tế

(ISPI Geoeconomics Centre, 2024); (iii) Hướng tiếp cận Nga tập trung vào phân tích quyền lực chiến lược và ảnh hưởng toàn cầu qua các hành lang chiến lược (Trenin, 2019).

Các nghiên cứu cũng cho thấy ba xu hướng ứng dụng địa kinh tế đang nổi lên gồm: một là, địa kinh tế cưỡng chế, sử dụng các biện pháp trừng phạt kinh tế, kiểm soát xuất khẩu, hạn chế tiếp cận thị trường và chuyển giao công nghệ nhằm tạo sức ép đối với đối thủ (Blackwill & Harris, 2016); (2) hai là, địa kinh tế mềm, thông qua hiệp định thương mại tự do (FTA), viện trợ và tiêu chuẩn kỹ thuật nhằm gia tăng sức hút và ảnh hưởng mềm (Nye, 2004); (3) và ba là, cấu trúc không gian kinh tế theo định hướng chiến lược, tập trung kiểm soát chuỗi cung ứng, dữ liệu và tài chính để định hình luật chơi toàn cầu (Farrell & Newman, 2019).

Ngoài ra, địa kinh tế hiện đại còn được xem xét từ ba góc độ phân tích: (i) từ góc độ địa không gian như vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, tài nguyên; (ii) từ góc độ chủ thể như các quốc gia, tổ chức khu vực, doanh nghiệp xuyên quốc gia; và (iii) từ góc độ cấu trúc quyền lực thể hiện qua các mối quan hệ phụ thuộc, mức độ kết nối và khả năng thiết lập chuẩn mực. Trong hệ thống kết nối địa kinh tế toàn cầu, hai biến số then chốt là khoảng cách kết nối chiến lược (khoảng cách địa lý - geodistance) và mạng kết nối chiến lược (dòng chảy chiến lược - geoflow), phản ánh không chỉ khoảng cách vật lý mà còn cả mật độ và chất lượng kết nối kinh tế, dữ liệu, tài chính, công nghệ giữa các thực thể (Farrell & Newman, 2019; Zhang, Ma, & Sheng, 2023). Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa phân mảnh, địa kinh tế trở thành công cụ chiến lược chủ đạo nhằm thích ứng và khẳng định vị trí trong trật tự kinh tế và chính trị toàn cầu đang biến đổi sâu sắc.

2.2. Khung phân tích địa kinh tế kiểu Mỹ

Là siêu cường kinh tế - công nghệ và giữ vai trò trung tâm trong việc thiết lập trật tự quốc tế hậu Thế chiến II, Hoa Kỳ đã phát triển một mô hình địa kinh tế đặc thù riêng. Tư duy địa kinh tế của Hoa Kỳ thể hiện sự kết hợp giữa quyền lực cứng và mềm, giữa thiết kế thể chế và đòn bẩy thị trường, hay còn gọi là mô hình “quyền lực thông minh” (smart power). Địa kinh tế kiểu Mỹ không đơn thuần là sử dụng các công cụ kinh tế vì lợi ích thương mại, mà nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược cao nhất là duy trì vai trò lãnh đạo toàn cầu, ngăn chặn sự trỗi dậy của đối thủ cạnh tranh, và thiết lập hệ sinh thái quốc tế gắn liền với chuẩn mực do Mỹ dẫn dắt (White House, 2022; Nye, 2004).

Mô hình địa kinh tế của Mỹ được xây dựng dựa trên liên kết 6 thành tố. Mục tiêu chiến lược là duy trì trật tự quốc tế do Mỹ dẫn đầu, giữ ưu thế công nghệ, tài chính và thị trường, đồng thời kiểm soát chuỗi cung ứng, dữ liệu và tiêu chuẩn kỹ thuật (White House, 2022). Công cụ thực hiện gồm công cụ cưỡng chế như trừng phạt, kiểm soát xuất khẩu, áp thuế và đầu tư có điều kiện, và công cụ hấp dẫn như sáng kiến tài trợ phát triển hạ tầng, viện trợ kinh tế và liên minh công nghệ. Các sáng kiến tiêu biểu phải kể tới gồm: Đạo luật CHIPS, Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (Indo-Pacific Economic Framework for Prosperity - IPEF) và Mạng sạch (Clean Network), thể hiện sự kết hợp linh hoạt giữa hấp dẫn và cưỡng chế (U.S. Trade Representative, 2024; Congressional Research Service, 2022). Không gian chiến lược

tập trung chủ yếu vào Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, là khu vực Mỹ mở rộng ảnh hưởng và trực tiếp đối đầu với cường quốc đang trỗi dậy Trung Quốc. Mỹ đồng thời thiết lập tiêu chuẩn về kỹ thuật số, an ninh mạng, bảo vệ sở hữu trí tuệ và chuỗi cung ứng bán dẫn để tạo hệ sinh thái tin cậy (White House, 2022; USTR, 2023). Phương thức hành động kết hợp duy trì liên minh truyền thống với xây dựng mạng lưới đối tác tuân thủ chuẩn mực Mỹ (U.S. State Department, 2019).

Từ thực tiễn này, bài viết xây dựng khung phân tích địa kinh tế kiểu Mỹ gồm sáu thành tố: (1) mục tiêu chiến lược, (2) công cụ địa kinh tế đa dạng, (3) không gian triển khai trọng điểm, (4) phương thức hành động linh hoạt, (5) cấu trúc liên minh có điều kiện, (6) các sáng kiến chính sách điển hình như Đạo luật CHIPS, IPEF, Clean Network (White House, 2022; USTR, 2024).

3. Tư liệu và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên nền tảng nguồn tư liệu thứ cấp đa dạng nhằm đảm bảo tính thực chứng và chiều sâu phân tích. Các văn bản chính sách và pháp lý chính thức của Hoa Kỳ là tư liệu trọng tâm, bao gồm các Tuyên bố Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương của Nhà Trắng, tài liệu của Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ (USTR), Bộ Thương mại Mỹ, cùng các đạo luật quan trọng như: Đạo luật CHIPS (2022), sáng kiến IPEF và Clean Network (USTR, 2023; White House, 2022). Ngoài ra, các báo cáo chuyên sâu về an ninh chuỗi cung ứng, kiểm soát công nghệ và chiến lược khu vực cũng được sử dụng để làm rõ bối cảnh và nội dung nghiên cứu.

Nghiên cứu áp dụng tiếp cận liên ngành, kết nối địa lý kinh tế, kinh tế chính trị quốc tế và phân tích chiến lược, đồng thời sử dụng lăng kính lý thuyết hệ thống để hiểu địa kinh tế như một mạng lưới quyền lực đa chiều, giúp phân tích tác động chính sách FOIP đến các quốc gia trung gian như Việt Nam. Phạm vi nghiên cứu tập trung vào biến đổi tư duy địa kinh tế Hoa Kỳ dưới thời Tổng thống Donald Trump nhiệm kỳ hai, đồng thời đặt trong mối tương quan so sánh với các giai đoạn trước đó nhằm làm rõ những điểm kế thừa và đột phá. Nghiên cứu cũng phân tích tác động đến Việt Nam từ góc độ quốc gia trung gian, không đi sâu vào các yếu tố nội tại hoặc tác động của các bên thứ ba để đảm bảo tính khả thi và trọng tâm nghiên cứu.

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu sử dụng là phương pháp định tính và phân tích hệ thống, bao gồm: phân tích diễn ngôn chiến lược nhằm giải mã ngôn ngữ chính sách, so sánh liên thời kỳ để nhận diện biến đổi chiến lược dưới các tổng thống Obama, Trump và Biden, cùng phân tích quan hệ công cụ và mục tiêu để xây dựng bản đồ logic địa kinh tế kiểu Mỹ.

4. Kết quả nghiên cứu: Biến đổi tư duy địa kinh tế của Hoa Kỳ trong chiến lược FOIP qua các thời kỳ

4.1. Tổng quan về FOIP

FOIP (Free and Open Indo-Pacific) được Hoa Kỳ triển khai như một khung định hướng chiến lược kết hợp cả yếu tố địa kinh tế và địa chính trị, manh nha từ thời kỳ cuối của Chính quyền Obama, chính thức ban hành dưới thời Chính quyền Trump nhiệm kỳ 1 và hiện nay vẫn tiếp tục được kế thừa, điều chỉnh. Mục tiêu cốt lõi của FOIP là duy trì ưu thế chiến lược và định hình trật tự khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương theo hướng có lợi cho Mỹ và các đồng minh, đồng thời kiềm chế sự trỗi dậy mang tính hệ thống của Trung Quốc (White House, 2017).

Bối cảnh hình thành và phát triển FOIP phản ánh hai xu hướng: Một là, toàn cầu hóa đang chuyển sang giai đoạn phân mảnh, với sự nổi lên của chủ quyền kinh tế, kiểm soát dữ liệu và cạnh tranh công nghệ số (White House, 2022). Và hai là, Trung Quốc thúc đẩy các sáng kiến địa kinh tế quy mô lớn như BRI và DSR, nhằm thiết lập hệ sinh thái phụ thuộc về hạ tầng, tài chính và công nghệ trong khu vực (Fabry, 2025). Đây là hai động lực chiến lược thúc đẩy Mỹ tiếp tục dựa trên nền tảng các chuẩn mực phương Tây xây dựng luật chơi mới.

FOIP thể hiện rõ tư duy địa kinh tế kiểu Mỹ thông qua việc sử dụng linh hoạt các công cụ cưỡng chế kinh tế (kiểm soát công nghệ, trừng phạt, đầu tư có điều kiện), kết hợp công cụ gây sức hút (liên minh, viện trợ, chuẩn mực thương mại) nhằm kiến tạo một trật tự khu vực có lợi (White House, 2022). Đây không chỉ là sự dịch chuyển chiến lược khỏi mô hình đôi đầu quân sự cổ điển, mà còn là nỗ lực cấu trúc lại không gian kinh tế - công nghệ khu vực theo hướng duy trì vị thế lãnh đạo toàn cầu của Mỹ (USTR, 2023).

4.2. Tái cân bằng chiến lược theo hình thức mềm dưới thời Obama

Chiến lược “Tái cân bằng sang châu Á - Thái Bình Dương” (Pivot/Rebalance) do Tổng thống Barack Obama công bố năm 2011 đánh dấu bước ngoặt trong chính sách toàn cầu của Mỹ khi chuyển trọng tâm ưu tiên sang khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (White House, 2017). Mục tiêu chính là duy trì vai trò lãnh đạo, bảo vệ trật tự khu vực dựa trên luật lệ tự do và mở, đồng thời kiềm chế sự trỗi dậy kinh tế - chính trị của Trung Quốc.

Chiến lược ưu tiên các công cụ địa kinh tế mềm, nổi bật nhất là Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP). TPP được xem là thiết chế thương mại thế hệ mới, thiết lập tiêu chuẩn kinh tế theo chuẩn mực Mỹ, bao gồm các quy định về sở hữu trí tuệ, lao động và môi trường, nhằm xây dựng vòng vây mềm giới hạn ảnh hưởng Trung Quốc (USTR, 2023; Farrell & Newman, 2019). Không gian triển khai tập trung vào Đông Á, Đông Nam Á và Thái Bình Dương, dựa trên củng cố liên minh truyền thống với Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và mở rộng quan hệ đối tác mới với Việt Nam, Myanmar, thông qua các cơ chế đa phương như APEC, ARF, ADMM+ (U.S. Department of Defense, 2019). Phương thức hành động thể hiện rõ tư duy địa kinh tế mềm, đề cao hợp tác đa phương và phát triển bền vững. Các sáng kiến như Kết nối Mekong, hỗ trợ chuỗi cung ứng, hợp tác giáo dục - công nghệ đóng vai trò công cụ ảnh hưởng dài hạn (Mekong Institute, 2025).

Tuy nhiên, FOIP thời Obama vẫn thiên về tạo lập luật chơi hơn là kiểm soát không gian kinh tế thực chất. Việc thiếu công cụ cưỡng chế như kiểm soát công nghệ và hạn chế chuỗi

cung ứng khiến chiến lược chưa đủ sức đối phó với sự trỗi dậy quyết đoán của Trung Quốc trong các lĩnh vực công nghệ và an ninh kinh tế (Hornung, 2021; Farrell & Newman, 2019). Dù vậy, giai đoạn này đã đặt nền móng cho tư duy địa kinh tế kiểu Mỹ, tạo cơ sở cho sự biến đổi mạnh hơn trong các thời kỳ tiếp theo.

4.3. Địa kinh tế cường chế và ưu tiên quan hệ song phương dưới thời Donald Trump nhiệm kỳ 1

Dưới thời Tổng thống Donald Trump nhiệm kỳ 1 (2017-2021), chiến lược khu vực chuyển hướng từ mô hình hấp dẫn mềm của Obama sang cạnh tranh địa kinh tế cường chế và ưu tiên song phương, nhằm ứng phó trực diện với sự trỗi dậy của Trung Quốc (White House, 2017; Nghiencuuchienluoc.org, 2025). Chiến lược tái cân bằng sang châu Á - Thái Bình Dương chính thức được thay thế bằng Chiến lược Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở (FOIP). Mục tiêu trọng tâm là khẳng định lại vị trí lãnh đạo của Mỹ bằng cách phục hồi sản xuất nội địa, kiểm soát chuỗi cung ứng chiến lược và gia tăng lợi thế công nghệ.

Chính quyền Trump nhiệm kỳ 1 áp dụng các biện pháp cường chế kinh tế mạnh mẽ, như Đạo luật FIRREA (2018) và Đạo luật Kiểm soát Xuất khẩu (ECRA), nhằm siết chặt kiểm soát đầu tư nước ngoài và hạn chế chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp Trung Quốc như Huawei, ZTE, SMIC (Congressional Research Service, 2022). Chuỗi cung ứng công nghệ trở thành công cụ chiến lược, gắn chặt an ninh quốc gia với kinh tế và dữ liệu (Farrell & Newman, 2019). Không gian chiến lược được mở rộng toàn khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, nhấn mạnh Đông Bắc Á về công nghệ cao và Đông Nam Á - Nam Á về hàng hải, hậu cần (U.S. Department of Defense, 2019). Phương thức hành động chuyển từ đa phương sang song phương, sử dụng sức ép kinh tế để giành lợi thế đàm phán với từng quốc gia. Chiến lược “Nước Mỹ là trước hết” này khiến các cuộc thương lượng với đồng minh như Nhật Bản, Hàn Quốc trở nên căng thẳng. Về liên minh, ông Trump tập trung khôi phục và nâng cấp nhóm Quad (Mỹ - Nhật - Ấn Độ - Úc) như trụ cột đối trọng với Trung Quốc, đòi hỏi đối tác chia sẻ gánh nặng tài chính và tuân thủ tiêu chuẩn Mỹ. Các văn kiện quan trọng như Chiến lược An ninh Quốc gia 2017 và Báo cáo Chiến lược Quốc phòng 2018 lần đầu xác định FOIP như chiến lược tổng thể kết hợp kinh tế - công nghệ - quân sự khu vực (White House, 2017; U.S. Department of Defense, 2019).

Dù mang tính quyết đoán và mạnh mẽ, chiến lược này cũng vấp phải những giới hạn do tính đơn phương cao, gây áp lực căng thẳng tới các đồng minh và đối tác khu vực, làm gia tăng sự bất ổn về trật tự khu vực (Hornung, 2021). Tuy nhiên, giai đoạn này đã hình thành một tư duy địa kinh tế Mỹ rõ nét, chuyển từ hợp tác đa phương sang vận dụng các công cụ cường chế và gây áp lực song phương nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và giữ vị trí đối đầu với Trung Quốc.

4.4. Xây dựng thể chế và mở rộng liên minh giá trị dưới thời Biden

Dưới thời Tổng thống Joe Biden (2021-2025), FOIP được kế thừa và phát triển thành một chiến lược thể chế hóa sâu rộng, nhấn mạnh củng cố ưu thế hệ thống và liên minh dựa trên giá trị dân chủ và luật pháp quốc tế (White House, 2022). Mục tiêu chiến lược không chỉ duy trì

vượt trội về quân sự, kinh tế mà còn thiết lập mạng lưới đối tác bền vững, mở rộng hợp tác đa phương hiệu quả và thúc đẩy chuẩn mực chung trên toàn cầu.

Về công cụ địa kinh tế, FOIP thời Biden được nâng cấp bằng hàng loạt sáng kiến thể chế như: Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng (IPEF, 2022), Đạo luật CHIPS nhằm khôi phục ngành công nghệ cao nội địa và Đạo luật Giảm lạm phát (IRA) hỗ trợ năng lượng sạch, công nghiệp xanh. Chính quyền Biden tiếp tục siết chặt kiểm soát xuất khẩu công nghệ cao sang Trung Quốc, nhất là trong các lĩnh vực chip, AI và điện toán lượng tử, đồng thời thúc đẩy các chuỗi cung ứng “tin cậy” với các đối tác chiến lược (USTR, 2023). Không gian triển khai FOIP mở rộng không chỉ tập trung vào khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương mà còn kết nối sâu rộng với châu Âu và toàn cầu hóa các giá trị dân chủ (White House, 2022). Phương thức hành động của chính quyền Biden xoay quanh thiết lập liên minh với cách tiếp cận ưu tiên liên minh tiểu đa phương tinh gọn, hiệu quả dựa trên các chuẩn mực chung (Nghienquachienluoc.org, 2025). Về cấu trúc liên minh, chính quyền Biden khẳng định lại và nâng cấp các trụ cột như Quad, liên minh Úc - Anh - Mỹ (AUKUS), G7, đồng thời triển khai IPEF với bốn trụ cột: thương mại số, chuỗi cung ứng, chuyển đổi năng lượng, minh bạch tài chính, thay thế tạm thời TPP khi Mỹ chưa gia nhập lại Hiệp định Đối tác toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) (USTR, 2023). Biểu hiện chính sách cụ thể của FOIP thời Biden còn bao gồm sáng kiến Xây dựng lại thế giới tốt đẹp hơn (Build Back Better World - B3W) và chương trình Quan hệ Đối tác về Cơ sở hạ tầng đầu tư toàn cầu (Partnership for Global Infrastructure and Investment - PGII), nhằm cạnh tranh trực tiếp với BRI của Trung Quốc thông qua tài trợ cơ sở hạ tầng, công nghệ xanh và chuyển đổi số ở các quốc gia đang phát triển (White House, 2022).

Về tổng thể, giai đoạn Biden đánh dấu bước chuyển FOIP từ một chiến lược bán định hình sang chiến lược địa kinh tế thể chế hóa rõ ràng, ưu tiên cạnh tranh chuẩn mực, liên minh giá trị và kiểm soát hệ sinh thái công nghệ - chuỗi cung ứng như những trụ cột cốt lõi nhằm duy trì vị thế lãnh đạo của Mỹ trong bối cảnh Trung Quốc không ngừng mở rộng ảnh hưởng toàn cầu.

4.5. Thực dụng và tiếp tục cấu trúc cạnh tranh địa kinh tế dưới thời Donal Trump nhiệm kỳ 2

Giai đoạn Trump nhiệm kỳ 2 (2025-2029) được dự báo là thời kỳ cao trào của chủ nghĩa địa kinh tế thực dụng kiểu Mỹ, khi chính quyền mới ưu tiên tái thiết năng lực công nghiệp, củng cố tự chủ công nghệ và giảm thiểu phụ thuộc chiến lược vào Trung Quốc. Mục tiêu cốt lõi là thiết lập lại trật tự cạnh tranh kinh tế - công nghệ toàn cầu theo hướng có lợi cho Mỹ trong bối cảnh hậu toàn cầu hóa (Nghienquachienluoc.org, 2025). Một số động thái chính sách liên quan tới FOIP vừa qua đều minh chứng cho nhận định này.

Ngay trong 6 tháng đầu năm 2025, Chính quyền Trump áp thuế cao đến 145% đối với hàng hóa Trung Quốc, tập trung vào các ngành chiến lược như: chip, AI, xe điện và thiết bị điện tử. Đồng thời, chính quyền siết chặt kiểm soát đầu tư bằng cách mở rộng thẩm quyền của CFIUS

đối với các lĩnh vực công nghệ nhạy cảm, bao gồm bán dẫn, AI và hạ tầng dữ liệu, nhằm ngăn Trung Quốc tiếp cận công nghệ lõi và củng cố an ninh chuỗi cung ứng của Mỹ. Phạm vi triển khai chiến lược mở rộng toàn khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương, tập trung vào các mắt xích cung ứng thay thế Trung Quốc như Ấn Độ, Đài Loan, Đông Nam Á và Mỹ Latin. Chính quyền Trump ở nhiệm kỳ 2 vận hành linh hoạt giữa công cụ cưỡng chế (thuế quan, kiểm soát xuất khẩu) và hấp dẫn song phương (ưu đãi thuế, chuyển chuỗi cung ứng), ưu tiên hiệu quả thực dụng thay vì cơ chế đa phương phức tạp. Về cấu trúc liên minh, Chính quyền cũng thúc đẩy mô hình “liên minh có điều kiện”, chỉ hợp tác với các quốc gia cam kết tuân thủ chuẩn mực kỹ thuật, minh bạch dữ liệu và bảo vệ chuỗi cung ứng theo luật chơi Mỹ. Các sáng kiến như khu thương mại có điều kiện, liên minh công nghệ song phương và hệ thống rào cản kỹ thuật số đang được triển khai mạnh mẽ để thực hiện chiến lược “Nước Mỹ là trước hết” trong thời đại cạnh tranh nước lớn hiện nay.

Tổng thể, giai đoạn Tổng thống Donald Trump nhiệm kỳ thứ hai phản ánh sự tiếp nối nhưng nâng cấp tư duy địa kinh tế kiểu Mỹ theo hướng thực dụng, chọn lọc và cưỡng chế, đặt trọng tâm vào tái cơ cấu lợi ích quốc gia và giảm thiểu phụ thuộc chiến lược. Đây là giai đoạn biểu hiện rõ sự định hình một chiến lược địa kinh tế đối đầu, có hệ thống, nhằm thiết lập một trật tự cạnh tranh mới thời hậu toàn cầu hóa và ứng phó hiệu quả với sự trỗi dậy không cân xứng của Trung Quốc.

5. Bàn luận: Xu hướng, tác động của chiến lược FOIP qua các thời kỳ và hàm ý chính sách cho Việt Nam

5.1. Xu hướng tư duy địa kinh tế kiểm soát kiểu Mỹ qua các biến đổi trong FOIP

Sự phát triển của chiến lược FOIP qua các đời tổng thống Mỹ phản ánh quá trình biến đổi sâu sắc tư duy địa kinh tế từ hội nhập đa phương dưới thời chính quyền Obama, sang địa kinh tế cưỡng chế và ưu tiên song phương dưới Chính quyền Trump nhiệm kỳ 1, đến mô hình kiểm soát có điều kiện và thiết lập chuẩn mực đa phương dưới thời chính quyền Biden (White House, 2022). Cốt lõi của chuyển dịch này là việc phối hợp ngày càng linh hoạt giữa các công cụ hấp dẫn (FTA, viện trợ, sáng kiến hạ tầng) và cưỡng chế (cấm vận công nghệ, kiểm soát xuất khẩu), nhằm bảo vệ ưu thế Mỹ trong công nghệ, chuỗi cung ứng và dữ liệu. Các sáng kiến như IPEF, B3W, cùng các biện pháp mạnh như giới hạn chip, AI, 5G và dữ liệu xuyên biên giới, cho thấy Hoa Kỳ không còn theo đuổi tự do hóa thị trường thuần túy, mà đang kiến tạo không gian kinh tế - công nghệ có kiểm soát theo chuẩn mực Mỹ (Farrell & Newman, 2019; White House, 2022). Điều này không chỉ đề đối trọng với Trung Quốc, mà còn dẫn dắt trật tự kỹ thuật số toàn cầu trong kỷ nguyên cạnh tranh nước lớn.

Chiến lược an ninh mạng quốc gia Mỹ năm 2023 là minh chứng cho xu hướng này với năm trụ cột: bảo vệ hạ tầng thiết yếu, ngăn chặn mối đe dọa, xây dựng thị trường số an toàn, đầu tư công nghệ tương lai và hợp tác quốc tế có điều kiện (The White House, 2023). Mô hình

“chủ quyền kỹ thuật số” này cũng đang được Trung Quốc, Nga, và EU theo đuổi, tạo ra thế cạnh tranh thể chế và tiêu chuẩn ngày càng gay gắt.

Bảng 1. So sánh biến đổi tư duy địa chính trị trong FOIP qua các thời kỳ

Thành tố	Obama (2009-2017)	Trump nhiệm kỳ 1 (2017-2021)	Biden (2021-2025)	Trump nhiệm kỳ 2 (2025-2030)
Mục tiêu chiến lược	Tái cân bằng, thúc đẩy hội nhập đa phương	Giảm lệ thuộc Trung Quốc, phục hồi công nghiệp	Tái định hình trật tự dựa trên dân chủ, pháp trị	Bảo hộ sản xuất, chuỗi cung ứng thân Mỹ, giảm rủi ro chiến lược
Công cụ địa kinh tế	TPP, viện trợ, ngoại giao đa phương	Thuế quan, kiểm soát đầu tư, cấm vận công nghệ	IPEF, B3W, kiểm soát công nghệ, đầu tư xanh	Thuế cao, hạn chế đầu tư, di dời sản xuất, “khu thương mại có điều kiện”
Không gian triển khai	Châu Á - TBD, ASEAN, Nhật, Hàn	AĐD-TBD, tập trung vào đối tác thay thế Trung Quốc	Mở rộng sang Ấn Độ, châu Phi, Mỹ Latinh	Đông Á, ASEAN, Ấn Độ, Mỹ Latinh, ưu tiên đối tác “đáng tin cậy”
Phương thức hành động	Đa phương, thiết chế hóa, hợp tác đồng thuận	Đơn phương, song phương cưỡng chế	Kết hợp mềm-cứng, xây dựng liên minh chuẩn mực	Cưỡng chế song phương thực dụng, giảm ràng buộc đa phương
Cấu trúc liên minh	Đồng minh truyền thống + mở rộng ASEAN	Liên minh chọn lọc, thu hẹp đa phương	Bán thể chế hóa: IPEF, Quad, AUKUS	Phân tầng, chọn lọc đối tác tuân thủ luật chơi Mỹ
Biểu hiện chính sách	TPP, tái cân bằng, viện trợ phát triển	Rút TPP, chiến tranh thương mại, cấm vận Huawei	IPEF, kiểm soát công nghệ, dữ liệu xuyên biên giới	Tăng thuế, siết FDI, tái định vị chuỗi cung ứng, tiêu chuẩn dữ liệu

Nguồn: Tổng hợp, so sánh của tác giả.

Đánh giá tổng thể, FOIP hiện thân cho một mô hình tư duy địa kinh tế kiểu Mỹ trong kỷ nguyên hậu toàn cầu hóa, trong đó sử dụng công nghệ và dữ liệu làm công cụ cạnh tranh, triển khai chiến lược bằng cách phối hợp giữa mềm và cứng, hấp dẫn và cưỡng chế, và xác lập luật chơi quốc tế bằng liên minh có điều kiện. Đây là xu hướng tất yếu trong một thế giới phân mảnh, nơi quyền lực quốc tế không còn đo đếm bằng số lượng vũ khí mà bằng khả năng kiểm soát mạng lưới công nghệ, tiêu chuẩn và dữ liệu toàn cầu.

5.2. Tác động đến cấu trúc kinh tế - công nghệ khu vực và thế giới

Chiến lược FOIP và các sáng kiến địa kinh tế liên quan của Hoa Kỳ đang cấu trúc lại không gian kinh tế - công nghệ toàn cầu thông qua mô hình liên minh chọn lọc và friendshoring. Trọng tâm là giảm phụ thuộc vào Trung Quốc bằng cách dịch chuyển chuỗi cung ứng sang các quốc gia “đáng tin cậy” như Ấn Độ, Việt Nam, Indonesia, Mỹ Latinh, nhằm bảo vệ lợi ích kinh tế - công nghệ của Mỹ trong giai đoạn hậu đại dịch.

Sự dịch chuyển này kéo theo yêu cầu nâng cấp hạ tầng số, cải cách thể chế và tăng cường năng lực quản trị công nghệ - dữ liệu tại các quốc gia tiếp nhận. Đồng thời, nó làm gia tăng sức ép thiết lập thể chế khi Mỹ đẩy mạnh chuẩn hóa các tiêu chí tham gia qua IPEF, B3W, hay các liên minh như Quad, AUKUS, CPTPP đang hoạt động như hệ thống bán thể chế đặt ra tiêu chuẩn cao về bảo mật dữ liệu, sở hữu trí tuệ và chuỗi cung ứng minh bạch (The White House, 2023). Các động thái và phản ứng này là hệ quả của việc Trung Quốc phát triển hệ sinh thái công nghệ đổi lập qua “Con đường tơ lụa kỹ thuật số”, 5G, AI và hệ chuẩn dữ liệu quốc gia mang tính kiểm soát nhà nước, tạo thế đối trọng rõ rệt với hệ giá trị do Mỹ dẫn dắt (Farrell & Newman, 2019; Hornung, 2021). Kết quả là thế giới đang phân cực thành hai không gian công nghệ, dữ liệu đối kháng, khiến các quốc gia trung gian như Việt Nam, Indonesia đối mặt với bài toán cân bằng chiến lược ngày càng phức tạp. Đặc biệt, chủ quyền dữ liệu nổi lên như chiến tuyến mới trong cạnh tranh địa kinh tế, buộc các quốc gia đang phát triển phải đầu tư nghiêm túc vào hạ tầng số, nhân lực công nghệ và hệ thống luật pháp số nhằm tránh rơi vào vùng xám quyền lực và lệ thuộc công nghệ.

Nhìn tổng thể, cuộc cạnh tranh địa kinh tế ngày càng gay gắt xoay quanh các trục chuỗi giá trị - công nghệ lõi - dữ liệu, điều đó đã đặt ra yêu cầu cấp thiết cho Việt Nam nói riêng và các nước nói chung trong việc định vị bản sắc địa kinh tế và nâng cao năng lực thích ứng chiến lược (Farrell & Newman, 2019; Hornung, 2021).

5.3. Cơ hội, thách thức và khuyến nghị chính sách cho Việt Nam

Trong bối cảnh trật tự địa kinh tế thế giới đang định hình lại sau đại dịch và xu hướng phân cực công nghệ, dữ liệu giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng tăng, Việt Nam nổi lên như một mắt xích chiến lược trong chuỗi giá trị khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương. Vị trí địa kinh tế này mang lại nhiều cơ hội quan trọng, đặc biệt trong thu hút dòng vốn FDI chất lượng cao thông qua các xu hướng *friendshoring* và *reshoring* do Mỹ dẫn dắt. Tham gia các sáng kiến như IPEF, Chuỗi cung ứng tin cậy, Liên minh công nghệ mở giúp Việt Nam tiếp cận tiêu chuẩn kỹ thuật và quản trị quốc tế, tạo động lực thúc đẩy nâng cấp thể chế, xây dựng hệ sinh thái số, và nâng cao năng lực quản trị dữ liệu quốc gia (Farrell & Newman, 2019; USTR, 2023). Đồng thời, sự cạnh tranh chuẩn mực giữa Mỹ và Trung Quốc tạo ra không gian linh hoạt để Việt Nam áp dụng chiến lược cân bằng, khai thác lợi ích từ cả hai hệ sinh thái công nghệ mà không bị lệ thuộc tuyệt đối. Đây là thời cơ để Việt Nam nâng cao vị thế trong ASEAN và trên trường quốc tế, góp phần định hình cấu trúc kinh tế số khu vực theo hướng có lợi.

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với không ít thách thức. Các liên minh địa kinh tế mới, đặc biệt là FOIP ngày càng mang tính ràng buộc có điều kiện, với các yêu cầu nghiêm ngặt về an ninh mạng, bảo mật dữ liệu, sở hữu trí tuệ và minh bạch tài chính (The White House, 2023). Điều này có thể làm thu hẹp dư địa tự chủ chiến lược nếu Việt Nam không kịp thời nâng cao năng lực nội tại. Nguy cơ bị mắc kẹt ở tầng thấp trong chuỗi giá trị, hoặc trở thành trạm trung chuyển công nghệ không có khả năng sở hữu, là một cảnh báo đang hiện ra (Hornung, 2021).

Trước các thời cơ và thách thức này, Việt Nam nên áp dụng bốn nhóm khuyến nghị chính sách sau:

Một là, thiết kế và ban hành một Chiến lược địa kinh tế quốc gia đến 2045, với các trụ cột gồm phát triển hạ tầng số, nâng cao năng lực quản trị công nghệ và tăng cường khả năng dự báo biến động địa kinh tế.

Hai là, thúc đẩy đa dạng hóa quan hệ, kết hợp tham gia các sáng kiến như IPEF, Quad+ với vai trò trung gian chiến lược trong ASEAN và CPTPP. Điều này giúp Việt Nam vừa tham gia sâu, vừa duy trì cân bằng chiến lược, tránh bị cuốn vào đôi đầu quyền lực (Farrell & Newman, 2019).

Ba là, đầu tư vào hệ sinh thái dữ liệu quốc gia, bao gồm xây dựng luật dữ liệu, nền tảng lưu trữ nội địa, và cơ chế quản lý dữ liệu xuyên biên giới phù hợp thông lệ quốc tế. Đồng thời, cần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực AI, an ninh mạng, phân tích dữ liệu lớn và công nghệ lõi.

Bốn là, chủ động chuyển từ vai trò tham gia sang đồng kiến tạo trong thiết lập luật chơi kinh tế số tại các thể chế như ASEAN, APEC và OECD. Điều này không chỉ giúp Việt Nam tránh bị động mà còn gia tăng quyền lực cấu trúc và bản sắc địa kinh tế trong một thế giới phân mảnh và số hóa sâu rộng.

Tóm lại, nếu chủ động và có tầm nhìn dài hạn, Việt Nam hoàn toàn có thể tận dụng xu thế địa kinh tế hiện nay để nâng tầm vị thế quốc gia trong kỷ nguyên cạnh tranh kinh tế - công nghệ toàn cầu.

6. Kết luận

FOIP không chỉ thể hiện sự điều chỉnh địa chính trị của Hoa Kỳ mà còn là biểu hiện rõ nét của sự biến đổi tư duy địa kinh tế Mỹ trong kỷ nguyên hậu toàn cầu hóa. Qua các đời tổng thống từ Obama, Trump nhiệm kỳ 1, Biden, đến Trump nhiệm kỳ 2 hiện nay và sắp tới, FOIP đã dịch chuyển từ mô hình hội nhập mềm dựa trên thiết chế đa phương sang mô hình kiểm soát có điều kiện, kết hợp linh hoạt giữa công cụ hấp dẫn và cưỡng chế để tái định hình trật tự kinh tế - công nghệ toàn cầu.

FOIP không chỉ xác định lại vai trò của Mỹ trong khu vực, mà còn định hình lại cấu trúc quyền lực kinh tế toàn cầu thông qua chính sách *friendshoring*, thiết lập các hệ sinh thái công nghệ song song, và mở rộng các liên minh bán thể chế hóa như IPEF, Quad, AUKUS. Môi trường cạnh tranh chuẩn mực ngày càng gay gắt đang buộc các quốc gia trung gian phải thích ứng nhanh hoặc đối mặt với nguy cơ bị loại khỏi các chuỗi giá trị cốt lõi trong nền kinh tế số.

Đối với Việt Nam, FOIP vừa mở ra cơ hội thu hút FDI, nâng cấp chuỗi cung ứng và nâng cao vị thế chiến lược, vừa đặt ra thách thức về tiêu chuẩn kỹ thuật, an ninh mạng và chủ quyền dữ liệu. Nếu không nâng cao năng lực nội tại, Việt Nam có thể rơi vào bẫy lệ thuộc công nghệ hoặc mất cân đối trong không gian số. Trước tình hình đó, Việt Nam cần xây dựng chiến lược

địa kinh tế quốc gia toàn diện gồm phát triển hạ tầng số, luật hóa quản trị dữ liệu, đào tạo nhân lực công nghệ và mở rộng các liên minh mềm đa tầng. Đồng thời, Việt Nam cần chuyển từ vai trò “bên tham gia” sang “bên kiến tạo” trong việc định hình luật chơi kinh tế số và tiêu chuẩn khu vực. Tóm lại, FOIP là cơ hội để Việt Nam chuyển hóa vị trí trung gian thành lợi thế chiến lược và định hình bản sắc địa kinh tế trong trật tự thế giới đang phân mảnh và cạnh tranh nước lớn hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Blackwill, R.D. & Harris, J.M. (2016). *War by other means: Geoeconomics and statecraft*. Harvard University Press. <https://doi.org/10.4159/9780674545960>
2. Congressional Research Service. (2022). *U.S. export controls and China*. <https://www.congress.gov/crs-product/IF11627>
3. Dahdal, A.M., & Abdel Ghafar, A. (2025). The Digital Silk Road: “Tech-diplomacy” as a paradigm for understanding technological adoption and emerging digital regulations in MENA. *Asian Journal of Law and Society*. Advance online publication. <https://doi.org/10.1017/als.2024.30>
4. European Central Bank. (2023). Impact of global value chain restructuring. *ECB Economic Bulletin*, Issue 6/2023. https://www.ecb.europa.eu/pub/economic-bulletin/focus/2023/html/ecb.ebbox202306_03~0c9593b225.en.html
5. Fabry, E. (2025). *China - EU relations and the Belt and Road Initiative*. Jacques Delors Institute. https://institutdelors.eu/wp-content/uploads/2025/04/R126-Bridge-BRI_EN.pdf
6. Farrell, H., & Newman, A. L. (2019). Weaponized interdependence: How global economic networks shape state coercion. *International Security*, 44(1), 42-79.
7. Hornung, J. W. (2021, April 12). *Biden puts Japan at the center of U.S. policy in Asia*. RAND Commentary. <https://www.rand.org/pubs/commentary/2021/04/biden-puts-japan-at-the-center-of-us-policy-in-asia.html>
8. ISEAS. (2024). *China's Digital Silk Road and its strategic footprint in Southeast Asia*. ISEAS Perspective, Issue 2024/43. https://www.iseas.edu.sg/wp-content/uploads/2024/05/ISEAS_Perspective_2024_43.pdf
9. ISPI Geoeconomics Centre. (2024).
10. ISPI Geoeconomics Centre. (2024). *The Rise of Fragmentation: A New Economic Security Era?* ISPI. <https://www.ispionline.it/en/publication/the-rise-of-fragmentation-a-new-economic-security-era-184102>
11. Javorecik, B., et al. (2023). “Economic costs of friend-shoring”. *European Central Bank Working Paper Series*, No. 2761. <https://www.ecb.europa.eu/pub/pdf/scpwps/ecb.wp2761~1c04388099.en.pdf>
12. Luttwak, E.N. (1990). “From geopolitics to geo-economics”. *The National Interest*, (20), 17-23.

13. Mekong Institute. (2025). *Revised annual work plan and budget 2025*.
<https://mekonginstitute.org/wp-content/uploads/2025/07/Revised-Annual-Work-Plan-and-Budget-2025.pdf>
14. Nye, J.S., Jr. (2004). *Soft power: The means to success in world politics*. New York: Public Affairs.
15. Office of the United States Trade Representative. (2023). *Indo-Pacific Economic Framework (IPEF) official fact sheet*. https://ustr.gov/sites/default/files/2023-05/IPEF_Factsheet.pdf
16. The White House. (2017). *National Security Strategy of the United States of America*.
<https://trumpwhitehouse.archives.gov/wp-content/uploads/2017/12/NSS-Final-12-18-2017-0905.pdf>
17. The White House. (2022). *Indo-Pacific Strategy of the United States*.
<https://www.whitehouse.gov/wp-content/uploads/2022/02/U.S.-Indo-Pacific-Strategy.pdf>
18. The White House. (2023). *National cybersecurity strategy*. The White House.
<https://www.whitehouse.gov/briefing-room/statements-releases/2023/03/02/national-cybersecurity-strategy>
19. Trenin, Dmitri. (2019). *Should We Fear Russia?* Polity.
https://www.politybooks.com/bookdetail?book_slug=should-we-fear-russia--9781509510900
20. U.S. Department of Defense. (2019). *Indo-Pacific strategy report: Preparedness, partnerships, and promoting a networked region*. <https://media.defense.gov/2019/Jul/01/2002152311/-1/-1/1/INDO-PACIFIC-STRATEGY-REPORT-2019.PDF>
21. U.S. Department of State. (2019). *A free and open Indo-Pacific: Advancing a shared vision*.
<https://2017-2021.state.gov/wp-content/uploads/2019/11/Free-and-Open-Indo-Pacific-4Nov2019.pdf>
22. U.S. Trade Representative. (2024). *The President's 2024 Trade Policy Agenda and 2023 Annual Report*. <https://www.ustr.gov/>
23. Viện Nghiên cứu Chiến lược. (2025, 10 tháng 4). *Chiến lược FOIP và sự dịch chuyển liên minh tại Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương*. <https://nghiencuuchienluoc.org/foip-lienminh-indo-pacific>
24. Zhang, X., Ma, W., & Sheng, S. (2023). Understanding the structure and determinants of economic linkage network: The case of three major city clusters in Yangtze River Economic Belt. *Frontiers in Environmental Science*, 10, 1073395.
<https://doi.org/10.3389/fenvs.2022.1073395>